

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 465/2021/DS-PT
Ngày: 28/9 và 08,13/12/2021
*Về “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Bình.
- *Các Thẩm phán:* Ông Vũ Toàn Giang
Bà Nguyễn Thu Hồng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/9 và ngày 08, 13/12/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 250/2021/TLPT-DS ngày 18/6/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2021/QĐXXPT-DS ngày 13/7/2021; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Văn Quốc B, sinh năm 1969, địa chỉ: Số 141, tổ 13, phường Phúc D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** 1. Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1971
2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Ngõ 205 đường D, tổ 14, phường D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 141, tổ 13, phường Phúc D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Văn Quốc B trình bày:**

Ông và ông Trần Quang Đ là bạn bè học phổ thông cùng nhau. Do ông vừa được nhận tiền đền bù đất nên ngày 30/3/2012, ông cho ông Đ vay 200 triệu

đồng để làm ăn, lãi suất vay tự thỏa thuận nhưng ông Đ nói miệng là theo lãi suất của ngân hàng. Hàng tháng ông Đ đều trả lãi cho ông, những lần trả lãi không có giấy tờ giao nhận với nhau. Ngày 01/10/2012, ông cho ông Đ và vợ là Lê Thị Y vay tiếp 800 triệu đồng, lãi suất là 1,8 triệu đồng/100 triệu đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Các bên thống nhất gộp cả tiền 200 triệu đồng vay trước đó vào tiền gốc. Như vậy, vợ chồng ông Đ vay của ông là 01 tỷ đồng. Ông Đ bảo ông là khi nào cần thì báo trước 30 ngày. Sau đó, ông Đ có trả gốc và lãi nhưng lại vay lại. Những lần vay đi, trả lại đều không có giấy tờ gì. Giấy chót nợ ngày 29/7/2013 do ông Đ cung cấp có ghi 260 triệu đồng, ông xác định đúng chữ ký của ông. Ngày 01/9/2013, vợ ông là bà Nguyễn Thị Hải Y có nhận hộ ông số tiền 200 triệu đồng là đúng. Và sau đó, ông Đ tiếp tục vay của ông nhiều lần nhưng đều không có giấy tờ gì vì bạn bè tin tưởng nhau. Cuối năm 2017, ông Đ không trả tiền cho ông và báo đã phá sản, xin không tính lãi nữa. Ngày 20/01/2018, ông Đ có ký nhận chót với ông số tiền gốc còn nợ là 520 triệu đồng, tiền lãi là 23.400.000 đồng, tổng là 543.400.000 đồng. Do ông Đ không trả được nợ nên ông có nhờ công ty đòi nợ AZ thu hộ số tiền nợ. Thời điểm nhờ công ty AZ đòi nợ, ông chỉ tìm thấy giấy ông Đ nợ 300 triệu đồng. Sau đó khi tìm thấy giấy ông Đ xác nhận nợ 543.400.000 đồng, vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Yên trả ông số tiền 543.400.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Quang Đ trình bày:

Do có quan hệ với gia đình ông Văn Quốc B nên năm 2012, vợ chồng ông có vay của ông B số tiền là 01 tỷ đồng để làm ăn, có viết giấy vay nợ ngày 01/10/2012, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay tiền, hàng tháng ông đều trả gốc và lãi cho ông B, khi trả đều ký vào sổ ghi nhớ của ông B. Ngày 29/7/2013, ông và ông B có chót số tiền còn nợ là 260 triệu đồng, ông B có ký và ghi rõ họ tên. Ngày 01/9/2013, ông B không có nhà nên ông đã đưa 200 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Hải Y là vợ ông B nhận thay, có ký nhận. Do có quan hệ bạn bè lâu năm nên khi trả nợ hai bên không có giấy tờ gì, chỉ có 2 lần là ngày 29/7/2013 và ngày 01/9/2013, ông có chữ ký xác nhận của gia đình ông B, còn lại ông không có chứng cứ gì khác. Việc thanh toán nợ nần hàng tháng chỉ ông và ông B biết, bà Yên và bà Y không biết gì.

Ông trả hết nợ nhưng có thiếu sót là không thu lại giấy nợ ông B giữ. Tháng 8/2018, công ty TNHH dịch vụ đòi nợ AZ thay mặt ông B đã đến làm việc với ông để đòi nợ. Khi đó, ông B đã xuất trình giấy chót nợ ngày 20/1/2018 với số tiền là 543.400.000 đồng và yêu cầu ông phải trả 300 triệu đồng. Không hiểu lý do vì sao ông B lại tiếp tục kiện ra Tòa đòi ông số tiền 543.400.000 đồng. Ông thấy có sự mâu thuẫn và không đúng với thực tế.

Đối với giấy tờ ông B cung cấp có ghi “lãi 23,4 triệu đồng+gốc 520 triệu đồng =543,4 triệu đồng (20/1/2018) và có chữ ký, ông xác định chữ viết có thể là

của ông còn chữ ký không phải của ông và ông không biết viết trong trình trạng nào và với mục đích gì và không liên quan đến khoản vay 01 tỷ đồng này.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, trên giấy tờ ông lưu giữ thì ông chỉ còn nợ ông B 60 triệu đồng, ông sẽ thu xếp trả dần số tiền này cho ông B.

Bà Lê Thị Y trình bày : Bà nhất trí hoàn toàn với các lời khai của ông Trần Quang Đ, không bổ sung gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Bà không biết gì việc vay tiền giữa chồng bà là ông Văn Quốc B với ông Trần Quang Đ. Bà chỉ nhận hộ ông B 200 triệu đồng do ông Đ đưa và ký nhận vào ngày 01/9/2013. Sau khi nhận tiền, bà đã chuyển lại cho ông B.

Với nội dung như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải trả cho ông Văn Quốc B số tiền 543.400.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 01/6/2021 bị đơn ông Trần Quang Đ có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm ông Trần Quang Đ đã xuất trình một giấy nhận tiền ghi ngày 12/4/2018 (Dương lịch) với nội dung: *“Tên tôi: Văn Quốc B SN: 1969 Đ/C: Tổ 13, P Phúc D, Bắc Từ Liêm, HN có nhận 02 lần tiền là 543.400.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng của anh Trần Quang Đ SN 1971, Tổ 14, P. Phúc D, Bắc Từ Liêm, TPHN. Hà Nội Ngày 12/4/2018 Người nhận tiền (Ký tên) Văn Quốc B”*. Ông Đ khai toàn bộ nội dung trên là do ông viết, ông B là người ký và ghi họ tên Văn Quốc B. Ông Văn Quốc B không thừa nhận nội dung trong văn bản do ông Trần Quang Đ cung cấp và cho rằng văn bản của ông Đ nộp là giả mạo nên tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định trưng cầu giám định văn bản nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 302/C09-P5 ngày 26/11/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận :

“1. Mẫu cần giám định ký hiệu A đã bị tẩy xóa nội dung. Nội dung hiện tại từ dòng chữ viết thứ 1 đến dòng chữ viết thứ 9 tính từ trên xuống được viết sau khi tẩy xóa. Không xác định được nội dung nguyên thủy.

2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Văn Quốc B dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Văn Quốc B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra”

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về nội dung cần giải quyết trong vụ án.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ nộp trong thời hạn, đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: sau khi phân tích nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang Đ và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

** Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của ông Trần Quang Đ được làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có ông B, ông Đ có mặt. Bà Nguyễn Thị Hải Y có đơn xin vắng mặt, bà Lê Thị Y vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà Y.

** Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa ông Văn Quốc B và ông Trần Quang Đ phát sinh từ việc nợ nên được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định pháp luật.

** Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là ông Trần Quang Đ hiện đang sinh sống tại phường D, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa

án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung :

Tại Giấy vay tiền lập ngày 01/10/2012 thể hiện nội dung: *“Hôm nay ngày 01/10/2012 gia đình tôi nhận vay của gia đình anh Văn Quốc B (vợ là Yến) địa chỉ 132 Cầu Diễn, Kiều Mai, D, Từ Liêm, Hà Nội với số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng) cộng với 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), TC 1.000.000.000 (1 tỷ đồng chẵn) với lãi suất 1.800.000 /100 triệu, lãi trả hàng tháng, Thời gian vay là 12 tháng khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) sẽ phải trả trước khi gia đình có việc và báo trước 30 ngày. Khi hết thời hạn trên nếu hai bên thỏa thuận tiếp giấy vay này gia hạn tiếp 12 tháng”*. Giấy vay tiền này cả hai phía nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận về thời điểm và nội dung vay là đúng. Do đó, có cơ sở xác định phát sinh quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn trong giấy vay nợ từ thời điểm ngày 01/10/2012.

Ông Trần Quang Đ cho rằng ngày 29/7/2013, ông còn nợ ông B số tiền 260 triệu đồng và ngày 01/9/2013, ông đã trả cho ông B 200 triệu đồng, số tiền này vợ ông B là bà Nguyễn Thị Hải Y đã nhận thay, như vậy ông cho rằng ông chỉ còn nợ ông B 60.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Đ cung cấp cho Tòa án 02 giấy trả tiền ngày 29/7/2013, ngày 01/9/2013 (bút lục số 41, 42), tuy nhiên ông Đ chỉ xuất trình được bản phô tô 02 giấy này mà không xuất trình được bản gốc, phía nguyên đơn lại không xác nhận nên cấp sơ thẩm không chấp nhận lời trình bày của ông Đ là có căn cứ. Ngoài ra ông Đ còn giao nộp tại Tòa án Giấy mời (v/v thực hiện Hợp đồng uỷ quyền số 78 ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH dịch vụ đòi nợ AZ (bút lục số 40) ... cũng đều là bản phô tô thể hiện nội dung : ông Đ chỉ còn nợ ông B 300.000.000 đồng.

Tuy nhiên, nguyên đơn ông B xuất trình văn bản thể hiện bị đơn xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn “lãi 23,4 triệu đồng + gốc 520 triệu đồng = 543.400.000 đồng, ngày 20/01/2018”, có chữ ký kèm theo. Ông Đ cho rằng chữ viết có thể của ông Đ còn chữ ký thì không phải. Ông không biết ghi trong tình trạng nào và với mục đích gì. Ngày 22/01/2021 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2021/QĐ-TCGD yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Đ trong văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 34/C09-P5 ngày 31/3/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: ***“Các chữ “Lãi 23.400.000 + gốc 520.000 = 543.400.000 đ (20/1/2018” và các chữ tài dòng chữ viết thứ 3, thứ 4 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu***

A so với chữ viết, chữ ký mang tên Trần Quang Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết, ký ra”

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 28/9/2021, ông Đ thay đổi lời khai, ông phủ nhận lời khai của ông trước đây trình bày ông chỉ còn nợ ông B 60.000.000 đồng và trình bày ngày 12/4/2018 ông đã trả toàn bộ nợ cho ông B. Ông Đ tiếp tục xuất trình văn bản mới là “Giấy nhận tiền ngày 12/4/2018” với nội dung : “*Tên tôi: Văn Quốc B SN: 1969 Đ/C: Tổ 13, P Phúc D, Bắc Từ Liêm, HN có nhận 02 lần tiền là 543.400.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng của anh Trần Quang Đ SN 1971, Tổ 14, P. Phúc D, Bắc Từ Liêm, TPHN. Hà Nội Ngày 12/4/2018 Người nhận tiền (Ký tên) Văn Quốc B*”.

Ngày 29/9/2021 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định trung cầu giám định số 279/2021/QĐ-TCGD đối với “Giấy nhận tiền ngày 12/4/2018” do ông Đ xuất trình.

Tại Kết luận giám định số 302/C09-P5 ngày 26/11/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đã kết luận :

“1. Mẫu cần giám định ký hiệu A đã bị tẩy xóa nội dung. Nội dung hiện tại từ dòng chữ viết thứ 1 đến dòng chữ viết thứ 9 tính từ trên xuống được viết sau khi tẩy xóa. Không xác định được nội dung nguyên thủy.

2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Văn Quốc B dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Văn Quốc B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra”

Như vậy, chữ viết và chữ ký dưới mục “Người nhận tiền” trong “Giấy nhận tiền ngày 12/4/2018” do ông Đ giao nộp cho Toà án đúng là do ông Văn Quốc B đã viết và ký ra, tuy nhiên phần nội dung “*Tên tôi: Văn Quốc B SN: 1969 Đ/C: Tổ 13, P Phúc D, Bắc Từ Liêm, HN có nhận 02 lần tiền là 543.400.000đ (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng của anh Trần Quang Đ SN 1971, Tổ 14, P. Phúc D, Bắc Từ Liêm, TPHN. Hà Nội Ngày 12/4/2018 Người nhận tiền (Ký tên) Văn Quốc B*” được viết sau khi tẩy xóa, thể hiện có sự gian dối, không trung thực của người lập văn bản. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung “Giấy nhận tiền ngày 12/4/2018” và xét thấy có đủ căn cứ để xác định hiện ông Đ, bà Y còn nợ ông B số tiền 543.400.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, cần giữ nguyên án sơ thẩm. Ông Đ kháng cáo và ông Đ có giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng là tài liệu giả mạo nên HĐXX không chấp nhận.

Về án phí: Ông Đ, bà Y phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật
Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và xử như sau:

Căn cứ Điều 26, Điều 143, Điều 147, Điều 148, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải trả cho ông Văn Quốc B số tiền 543.400.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải liên đới chịu 25.736.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông B số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2015/0003826 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

- Ông Trần Quang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/ 0042612 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDQ Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội
- THADSHQ Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình

CÁC THẨM PHÁN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh
Phúc**

Bản án số: /2021/DS-PT
Ngày: 28/9/2021
*Về “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Bình.
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thu Hồng
Bà Đặng Mạnh Cẩm Yên
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thùy Dương - Thư ký Tòa án NDTP Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 280/2021/TLPT-DS ngày 12/7/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2021/QĐXXPT-DS ngày 13/7/2021; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Văn Quốc B, sinh năm 1969.
Địa chỉ: Số 141, tổ 13, phường Phúc D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** 1. Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1971
2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1974
Cùng địa chỉ: Ngõ 205 đường D, tổ 14, phường D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***
Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 141, tổ 13, phường Phúc D, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Văn Quốc B trình bày:**

Ông và ông Trần Quang Đ là bạn bè học phổ thông từ nhỏ đến lớn. Do ông được nhận tiền đền bù nên ngày 30/3/2012, ông cho ông Đ vay 200 triệu đồng để làm ăn, lãi suất vay tự thỏa thuận nhưng ông Đ nói miệng là theo lãi suất của ngân hàng. Hàng tháng ông Đ đều trả lãi cho ông, những lần trả lãi không có giấy tờ giao nhận với nhau. Ngày 01/10/2012, ông cho ông Đ và vợ là Lê Thị Y vay tiếp của ông 800 triệu đồng, lãi suất là 1,8 triệu đồng/100 triệu đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Hai bên thống nhất gộp cả tiền 200 triệu đồng vay trước đó vào tiền gốc. Như vậy, vợ chồng ông Đ vay của ông là 01 tỷ đồng. Ông Đ bảo ông là khi nào cần thì báo trước 30 ngày. Sau đó, ông Đ có trả gốc và lãi nhưng lại vay lại. Những lần vay đi, trả lại đều không có giấy tờ gì tuy nhiên hai bên đều thống nhất chốt số nợ vợ chồng ông Đ còn chưa trả nợ ông. Giấy chốt nợ ngày 29/7/2013 do ông Đ cung cấp có ghi 260 triệu đồng, ông xác định đúng chữ ký của ông. Ngày 01/9/2013, vợ ông là bà Nguyễn Thị Hải Y có nhận hộ ông số tiền 200 triệu đồng là đúng. Và sau đó, ông Đ tiếp tục vay của ông nhiều lần nhưng đều không có giấy tờ gì vì bạn bè tin tưởng nhau nhưng hai bên đều thống nhất chốt số tiền ông Đ còn nợ ông. Cuối năm 2017 ông cần tiền nên có yêu cầu ông Đ trả tiền ông nhưng ông Đ không trả tiền cho ông và báo đã phá sản, xin không tính lãi nữa. Ngày 20/1/2018, ông Đ có ký nhận chốt với ông số tiền gốc còn nợ là 520 triệu đồng, tiền lãi là 23.400.000 đồng, tổng là 543.400.000 đồng. Do ông Đ không trả được nợ nên ông có nhờ công ty đòi nợ AZ thu hộ số tiền nợ. Thời điểm nhờ công ty AZ đòi nợ, ông chỉ tìm thấy giấy ông Đ nợ 300 triệu đồng, nếu sau này tìm được giấy nhận nợ ông Đ ngày 20/1/2018 ông sẽ tiếp tục nhờ đòi nợ sau. Sau đó khi tìm thấy giấy ông Đ xác nhận nợ 543.400.000 đồng, vì vậy ông khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà Y trả ông số tiền 543.400.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Quang Đ trình bày:

Do có quan hệ với gia đình ông Văn Quốc B nên năm 2012, vợ chồng ông có vay của ông B số tiền là 1 tỷ đồng để làm ăn, có viết giấy vay nợ ngày 01/10/2012, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay tiền, hàng tháng ông đều trả gốc và lãi cho ông B, khi trả đều ký vào sổ ghi nhớ của ông B. Ngày 29/7/2013, ông và ông B có chốt số tiền còn nợ là 260 triệu đồng, ông B có ký và ghi rõ họ tên. Ngày 01/9/2013, ông B không có nhà nên ông đã đưa 200 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Hải Y là vợ ông B nhận thay, có ký nhận. Do có quan hệ bạn bè lâu năm nên khi trả nợ hai bên không có giấy tờ gì, chỉ có 2 lần là ngày 29/7/2013 và ngày 01/9/2013, ông có chữ ký xác nhận của gia đình ông B, còn lại ông không có chứng cứ gì khác. Việc thanh toán nợ nần hàng tháng chỉ ông và ông B biết, bà Y và bà Y không biết gì.

Ông trả hết nợ nhưng có thiếu sót là không thu lại giấy nợ ông B giữ. Tháng 8/2018, công ty TNHH dịch vụ đòi nợ AZ thay mặt ông B đã đến làm việc với ông để đòi nợ. Khi đó, ông B đã xuất trình giấy chốt nợ ngày 20/1/2018 với số tiền là 543.400.000 đồng và yêu cầu ông phải trả 300 triệu đồng. Không hiểu lý do vì sao ông B lại tiếp tục kiện ra Tòa đòi ông số tiền 543.400.000 đồng. Ông thấy có sự mâu thuẫn và không đúng với thực tế.

Đối với giấy tờ ông B cung cấp có ghi “lãi 23,4 triệu đồng+gốc 520 triệu đồng =543,4 triệu đồng (20/1/2018) và có chữ ký, ông xác định chữ viết có thể là của ông còn chữ ký không phải của ông và ông không biết viết trong trình trạng nào và với mục đích gì và không liên quan đến khoản vay 1 tỷ đồng này.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, trên giấy tờ ông chỉ còn nợ ông B 60 triệu đồng, ông sẽ thu xếp trả dần số tiền này cho ông B.

Bà Lê Thị Y trình bày : Bà nhất trí hoàn toàn với các lời khai của ông Trần Quang Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Bà không biết gì việc vay tiền giữa chồng bà là ông Văn Quốc B với ông Trần Quang Đ. Bà chỉ nhận hộ ông B 200 triệu đồng do ông Đ đưa và ký nhận vào ngày 01/9/2013. Sau khi nhận tiền, bà đã chuyển lại cho ông B.

Với nội dung như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải trả cho ông Văn Quốc B số tiền 543.400.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 01/6/2021 bị đơn ông Trần Quang Đ có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đ nộp trong thời hạn, đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung : sau khi phân tích nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quang Đ và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

* Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Quang Đ được làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có ông B, ông Đ có mặt. Bà Nguyễn Thị Hải Y có đơn xin vắng mặt, bà Lê Thị Y vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà Y.

* Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông Văn Quốc B và ông Trần Quang Đ phát sinh từ việc nợ nên được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định pháp luật.

* Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Trần Quang Đ hiện đang sinh sống tại phường D, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung :

Tại Giấy vay tiền lập ngày 01/10/2012 thể hiện nội dung: “Hôm nay ngày 01/10/2012 gia đình tôi nhận vay của gia đình anh Văn Quốc B (vợ là Yến) địa chỉ 132 Cầu Diễn, Kiều Mai, D, Từ Liêm, Hà Nội với số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng) cộng với 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), TC 1.000.000.000 (1 tỷ đồng chẵn) với lãi suất 1.800.000 /100 triệu, lãi trả hàng tháng, Thời gian vay là 12 tháng khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng) sẽ phải trả trước khi gia đình có việc và báo trước 30 ngày. Khi hết thời hạn trên nếu hai bên thỏa thuận tiếp giấy vay này gia hạn tiếp 12 tháng”. Giấy vay tiền này cả hai phía

nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận về thời điểm và nội dung vay là đúng. Do đó, có cơ sở xác định phát sinh quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn trong giấy vay nợ từ thời điểm ngày 01/10/2012.

Ông Trần Quang Đ có ý kiến ông B đã xác nhận ngày 29/7/2013, ông còn nợ số tiền 260 triệu đồng và ngày 01/9/2013, ông đã trả cho ông B 200 triệu đồng, số tiền này vợ ông B đã nhận thay.

Tuy nhiên, nguyên đơn xuất trình văn bản thể hiện bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn “lãi 23,4 triệu đồng + gốc 520 triệu đồng = 543,4 triệu đồng vào ngày 20/01/2018, có chữ ký kèm theo. Ông Đ cho rằng chữ viết có thể của ông Đ còn chữ ký thì không phải. Ông không biết ghi trong tình trạng nào và với mục đích gì.

Ngày 22/01/2021 Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2021/QĐ-TCGD yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông Đ trong văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 34/C09-P5 ngày 31/3/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: ***“Các chữ “Lãi 23.400.000 + gốc 520.000 = 543.400.000 đ (20/1/2018” và các chữ tài dòng chữ viết thứ 3, thứ 4 tính từ trên xuống trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký mang tên Trần Quang Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết, ký ra”***

Tòa án đã có quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện quá trình trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, ông Đ chỉ cung cấp cho Tòa án bản phô tô 02 giấy trả tiền ngày 29/7/2013, ngày 1/9/2013 và thông báo đòi nợ của Công ty AZ mà không cung cấp thêm được chứng cứ tài liệu gì khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận lời khai của ông Đ trình bày ông chỉ còn nợ ông B số tiền 60.000.000 đồng và xác định, hiện ông Đ, bà Y còn nợ ông B số tiền 543.400.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, cần giữ nguyên án sơ thẩm. Ông Đ kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và xử như sau:

Căn cứ Điều 26, Điều 143, Điều 266, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 429 và Điều 468, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải trả cho ông Văn Quốc B số tiền 543.400.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Ông Trần Quang Đ và bà Lê Thị Y phải chịu 25.736.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông B số tiền 21.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số B/2015/0003826 ngày 30/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

- Ông Trần Quang Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/ 0042612 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành án kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDQ Bắc Từ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội
- THADSHQ Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình

CÁC THẨM PHÁN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

